

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 tháng 8 năm 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và bà Vũ Thị Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST – HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết T - sinh năm 1996;

Địa Chỉ: Bản N 2, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - sinh năm 1971;

ĐKKHKT: Xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ nơi ở: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992;

Địa Chỉ: Bản N 2, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2014, đến ngày 27/7/2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng quá chênh lệch về tuổi tác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào đầu năm 2020, anh T không sống cùng chị nữa mà về sống tại thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, đôi bên gia đình có khuyên giải nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung là cháu: Phạm Nhật D, sinh ngày 13/01/2015. Hiện cháu đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Trần Tuyết T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, do vậy anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Tuyết T.

Về con chung: Anh Phạm Văn T cũng xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phạm Nhật D, sinh ngày 13/01/2015, theo anh nếu cháu Phạm Nhật D có nguyện vọng ở với mẹ, thì đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Nhật D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh Phạm Văn T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Tuyết T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Trần Tuyết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thể hiện quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trần Tuyết T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con: Giao cháu Phạm Nhật D cho chị Trần Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Trần Tuyết T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Trần Tuyết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Tuyết T và anh Phạm Văn T tự nguyện về chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng chênh lệch về tuổi tác. vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào đầu năm 2020 vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đôi bên gia đình có khuyên giải nhưng không thành. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Anh Phạm Văn T cũng xác nhận quá trình chung sống cùng nhau, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh chị sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Tuyết T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Nhật D, sinh ngày 13/01/2015. Hiện cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị Trần Tuyết T đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp xác nhận hiện chị đang làm công việc kế toán tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại TN có thu nhập từ 09 đến 10 triệu đồng/tháng. Đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu D đến khi trưởng thành. Bản thân cháu Phạm Nhật D khi được Tòa án ghi ý kiến, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T khi bố mẹ ly hôn. Anh Phạm Văn T cũng nhất trí nếu cháu Phạm Nhật D có nguyện vọng ở với mẹ, thì đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Nhật D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống, học tập và sự phát triển của cháu D, nên cần giao cháu D cho chị Trần Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp với ý kiến nguyện vọng của các đương sự và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Tuyết T không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Tuyết T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Tuyết T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Tuyết T được ly hôn với anh Phạm Văn T

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nhật D, sinh ngày 13/01/2015 cho chị Trần Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Tuyết T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004420 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Trần Tuyết T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND Phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa